

Số: 263/BC-SD3-TGD

Gia Lai, ngày 07 tháng 12 năm 2018



## BÁO CÁO

Về việc: Thực hiện kế hoạch SXKD và Đầu tư năm 2017  
Mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch SXKD và Đầu tư năm 2018  
của Công ty cổ phần Sông Đà 3

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty

Căn cứ Quyết định số 356/TCT-HĐTV ngày 07/12/2012 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Sông Đà về việc phê duyệt và ban hành quy định về xây dựng, quản lý và báo cáo thực hiện kế hoạch trong Tổng công ty Sông Đà;

Căn cứ Nghị quyết số 16/TCT-HĐTV ngày 19/01/2017 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Sông Đà về việc “Thông qua kế hoạch SXKD năm 2017 của Công ty cổ phần Sông Đà 3”;

Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 3 báo cáo HĐQT Công ty về tình hình thực hiện kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2017; Mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2018, nội dung như sau:

### PHẦN THỨ NHẤT THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2017

#### A. Thực hiện các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu:

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017				
			Kế hoạch		Thực hiện		
			Tổng số	Công ty mẹ	Tổng số	Công ty mẹ	
<b>A</b>	<b>KẾ HOẠCH SXKD</b>						
I	Tổng giá trị SXKD	10 <sup>6</sup> đ	406.000	294.000	298.000	126.000	73%
1	Xây lắp	10 <sup>6</sup> đ	292.000	292.000	107.000	107.000	
2	Phục vụ xây lắp	10 <sup>6</sup> đ	2.000	2.000	19.000	19.000	
3	Sản xuất công nghiệp	10 <sup>6</sup> đ	112.000		172.000		154%
<b>II</b>	<b>Kế hoạch tài chính</b>						
1	Doanh thu	10 <sup>6</sup> đ	459.000	357.268	344.194	187.835	75%

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017			
			Kế hoạch		Thực hiện	
			Tổng số	Công ty mẹ	Tổng số	Công ty mẹ
2	Tổng chi phí	10 <sup>6</sup> đ	439.973	348.337	371.297	258.487
3	Nộp ngân sách	10 <sup>6</sup> đ	26.526	13.468	42.029	11.810
4	Lợi nhuận trước thuế	10 <sup>6</sup> đ	19.114	8.932	-27.103	-70.652
5	Lợi nhuận sau thuế	10 <sup>6</sup> đ	17.327	7.145	-27,103	-70.652
6	Lợi nhuận năm trước chuyển sang	10 <sup>6</sup> đ			-108.027	-117.595
7	Lũy kế lợi nhuận	10 <sup>6</sup> đ			-135.450	-188.568
8	Hiệu quả sử dụng vốn	10 <sup>6</sup> đ				
-	Lợi nhuận cận biên	%	4,2	2,5	-7,9	-35,7
-	Lợi nhuận sau thuế/VĐL (Công ty mẹ)	%	10,8	4,5	-16,9	-44,2
-	Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH	%	5,7	2,4	-28,6	-74,6
-	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	1,2	0,8	-1,6	-7,3
9	Tài sản cố định và khấu hao TSCĐ					
-	Số tiền khấu hao TSCĐ	10 <sup>6</sup> đ	43.176	9.900	41.979	10.893
-	Tỷ lệ khấu hao TSCĐ	%	5,08	10,28	5,08	10,28
10	Nợ phải trả	10 <sup>6</sup> đ	1.144.349	638.826	1.374.553	879.421
11	Vay và trả nợ trung dài hạn					
-	Tổng mức vay trung dài hạn	10 <sup>6</sup> đ	182.110	15.110		15.578
-	Trả nợ vay trung dài hạn trong kỳ	10 <sup>6</sup> đ	11.610	10.100	1.604	
-	Nợ vay trung dài hạn trong kỳ	10 <sup>6</sup> đ	616.683	20.588	405.579	15.578
12	Nợ vay ngân hàng		776.699	180.604	955.431	520.431
-	Nợ vay ngắn hạn		160.016	160.016	549.853	504.853
-	Nợ vay trung dài hạn		616.683	20.588	405.579	15.578
13	Vốn chủ sở hữu	10 <sup>6</sup> đ	305.435	291.957	147.806	94.688
14	Vốn điều lệ ( Công ty mẹ)	10 <sup>6</sup> đ	159.994	159.994	159.994	159.994
15	Tổng tài sản	10 <sup>6</sup> đ	1.449.785	930.783	1.734.359	947.109
16	Hệ số nợ phải trả/VCSH	Lần	3,75	2,19	3,8	9,2
17	Hệ số vay ngân hàng/VCSH	Lần	2,54	0,62	2,65	5,5
18	Tỷ lệ cổ tức ( dự kiến)			4%		
<b>B</b>	<b>KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ</b>	<b>10<sup>6</sup>đ</b>	<b>59.386</b>	<b>21.586</b>	<b>4.984</b>	<b>150</b>

**B. Đánh giá các chỉ tiêu SXKD:**

**I. Đánh giá chung về thực hiện chỉ tiêu SXKD:**

**1. Nguyên nhân lỗ lũy kế và năm 2017:**

**a. Nguyên nhân lỗ lũy kế**

- Trong năm 2017, Công ty đã hạch toán bổ sung nhiều khoản chi phí phát sinh từ các năm trước bị bỏ sót và chưa xác định được chính xác chi phí phát sinh theo từng năm tài chính. Do đó Công ty xác định giá vốn các công trình năm 2017 theo tỷ lệ giữa tổng chi phí phát sinh và tổng giá trị sản lượng thực hiện trong 4 năm (từ năm 2014 đến 2017) và điều chỉnh vào đầu kỳ trên báo cáo tài chính như sau:
  - + Điều chỉnh lại chi phí công trình, giá vốn năm 2015 về trước với số tiền: 82.110.685.020 đồng;
  - + Điều chỉnh lại chi phí công trình, giá vốn năm 2016 với số tiền: 21.716.648.513 đồng;
  - + Điều chỉnh chi phí lãi vay năm 2016: 8.302.968.695 đồng;
  - + Lỗ chuyển nhượng cổ phiếu An Nhân: 893.186.611 đồng;
  - + Chi phí phạt nộp chậm BHXH năm 2015: 2.392.395.898 đồng;
  - + Chi phí phạt nộp chậm BHXH năm 2016: 904.486.713 đồng;
  - + Điều chỉnh giảm doanh thu công trình Xepian: 3.040.547.427 đồng.

**b. Nguyên nhân lỗ năm 2017**

- + Do công nợ, dở dang tại các công trình lớn, chủ đầu tư khó khăn trong việc thu xếp vốn để thanh toán cho nhà thầu, dẫn đến Công ty không có nguồn trả nợ cho các khoản vay ngắn hạn (Dư vay tại ngày 31/12/2017 là: 520.430.887.693 đồng) vì vậy chi phí lãi vay phát sinh trong năm cao: 49.197.411.197 đồng;
- + Trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi: 12.430.936.993 đồng;
- + Chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm là: 20.126.354.637 đồng (do sản lượng thấp)

**2. Thực hiện chỉ tiêu về giá trị SXKD năm 2017:**

**2.1. Công trình thủy điện ĐăkLô: TH 10 tỷ/KHN 25 tỷ đồng đạt 40%.**

- Nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch: Kế hoạch năm 2017 giá trị sản lượng của công trình chủ yếu là thi công cụm đầu mối hồ B. Tuy nhiên khi thực hiện còn vướng thủ tục pháp lý phải dừng thi công (Chưa thỏa thuận được đầu nối qua đường TSD và chưa thông qua được việc điều chỉnh TKCS).

**2.2. Công trình thủy điện Đồng Nai 5: TH 1 tỷ/KHN 5 tỷ đạt 20%**

- Nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch: Giá trị sản lượng thuộc hạng mục đường vận hành VH1 và các hạng mục xử lý tồn tại sau vận hành nhà máy. Tuy nhiên do chủ đầu tư dừng không thanh toán cho đơn vị nên đơn vị không có vốn để thi công. Giá trị sản lượng chủ yếu xử lý các công việc tồn tại của dự án.

**2.3. Công trình thủy điện Xekaman 1: TH 51 tỷ/KHN 45 tỷ đạt 113%.**

**2.4. Công trình thủy điện Xe Pian: TH 12 tỷ/KHN 13 tỷ đạt 92%.**

- 2.5. Công trình thủy điện Đăk Lô 1,2,3: TH 24 tỷ/KHN 58 tỷ đạt 41%.
- Nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch: Sản lượng bao gồm khối lượng của toàn bộ cụm dự án Đăk Lô 1,2 và 3, tuy nhiên các dự án này đều vướng các thủ tục pháp lý Chủ đầu tư chưa tháo gỡ được, mới chỉ thi công được dự án Đăk Lô 2 cho nên không hoàn thành được kế hoạch. Tháng 7/2017, tổng thầu rút bớt khối lượng công việc và thanh lý hợp đồng.
- 2.6. Công trình thủy điện Nam Thuen 1: TH 7 tỷ/KHN 50 tỷ đạt 14%
- Nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch: Do các điều kiện chuẩn bị chưa hoàn tất nên dự án chưa triển khai thi công các hạng mục chính, giá trị sản lượng chỉ là phục vụ xây lắp (xây dựng lán trại, móng trạm và cho thuê trạm nghiên đá dăm).
- 2.7. Công trình thủy điện Tiên Thành: TH 19 tỷ/KHN 48 tỷ đạt 40%.
- Tổng thầu đã rút bớt phần lớn khối lượng đã giao cho Sông Đà 3 để trực tiếp thi công (giá trị giảm 30 tỷ đồng so với kế hoạch đặt ra trong năm 2017). Tháng 7/2017, hai bên thanh lý hợp đồng.
- 2.8. Công trình thủy điện Đăk Ro Bayer và Ngọc Tem:
- Do thủ tục pháp lý của Chủ đầu tư chưa xong nên dự án chưa triển khai thi công giá trị giảm 30 tỷ đồng so với kế hoạch năm đặt ra.
- 2.9. Giá trị sản xuất công nghiệp:
- Tổng sản lượng điện của nhà máy Đăk Lô TH 137,5 triệu Kwh/KHN 84 triệu Kwh đạt 162,7%.
  - Giá trị SXKD điện TH: 172 tỷ đồng/KHN 112 tỷ đạt 154%
- 3. Công tác thu vốn**
- Thực hiện năm 2017: 193,2 tỷ/KHN 537 tỷ đạt 36%
  - Đánh giá: Công tác thu vốn không đạt so với kế hoạch năm đặt ra: Nguyên nhân chủ yếu do tình hình thu vốn tại các công trình đã đi vào giai đoạn quyết toán gặp rất nhiều khó khăn, vướng mắc. Công tác làm sơ thanh quyết toán của đơn vị chậm trễ chưa đáp ứng được yêu cầu:
    - + Công trình Đồng Nai 5: Chủ đầu tư chưa phê duyệt đơn giá hàng năm.
    - + Công trình Đăk Lô: Chủ đầu tư đã giải ngân được 02 đợt trong năm 2017, tuy nhiên giá trị dở dang tại công trình vẫn còn nhiều, Chủ đầu tư chưa thu xếp được vốn để giải ngân.
    - + Công trình Xekaman 1: Công tác bù giá nhân công và vật liệu chưa được Chủ đầu tư phê duyệt.
- 4. Công tác đầu tư:**
- Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị xe máy năm 2017: Trong năm 2017 chưa thực hiện đầu tư theo kế hoạch được phê duyệt.
- II. Về các mặt quản lý điều hành.**
- 1. Công tác sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp:**
- Tháng 4/2017, về mặt nhân sự chủ chốt có sự thay đổi trong Ban lãnh đạo Công ty là Chủ tịch HĐQT và Tổng giám đốc tại kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.

- Tạm dừng hoạt động sản xuất của Chi nhánh Sông Đà 3.02 vì hoạt động SXKD của chi nhánh không hiệu quả.
  - Tổ chức lại hoạt động của các Ban chỉ huy tại các công trình: Thành lập Tổng đội 1 trực tiếp thi công tại công trình thủy điện Tiên Thành.
  - Định biên lại các phòng ban Công ty, chi nhánh, ổn định công tác kiện toàn tổ chức và cán bộ chủ chốt các đơn vị.
- 2. Công tác quản lý kinh tế, tài chính - tín dụng:**
- Quản lý kế hoạch: Phê duyệt kế hoạch giá thành năm 2017; Giao kế hoạch sản xuất, kế hoạch giá thành từng hạng mục.
  - Quản lý định mức đơn giá: Đã ban hành tương đối đầy đủ và sát với thực tế các định mức nội bộ về tiêu hao nhiên liệu, định mức đơn giá tiền lương... duy trì việc kiểm tra, xem xét và hiệu chỉnh kịp thời.
  - Tồn tại: Tích cực hơn nữa và có các giải pháp cụ thể trong công tác thu hồi vốn, công nợ để đáp ứng vốn trong SXKD, công tác lập kế hoạch tín dụng.
- 3. Công tác quản lý điều hành, tổ chức sản xuất, nhân lực đào tạo:**
- 3.1. Các mặt đã làm được:**
- Đã tổ chức được các lớp học đào tạo nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho toàn thể CBCNV Công ty tại Hà Nội và Gia Lai.
- 3.2. Tồn tại:**
- Công tác tuyển chọn nhân lực còn thiên về đủ số lượng, chất lượng chưa cao, tay nghề công nhân còn ảnh hưởng đến năng suất lao động, thu nhập.
  - Việc đào tạo tại chỗ, kèm cặp đã triển khai và được chú trọng nhưng chưa đạt yêu cầu.
- 4. Về công tác quản lý kỹ thuật, an toàn lao động:**
- 4.1. Các mặt đã làm được:**
- Biện pháp thi công: Tất cả các hạng mục công trình đều được lập biện pháp tổng thể, chi tiết trước khi thi công. Biện pháp lập khả thi và luôn bám sát điều kiện mặt bằng thi công thực tế công trường.
  - Quản lý tiến độ, chất lượng: Được tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, đảm bảo kiểm soát chặt chẽ thực hiện tiến độ, chất lượng các công trình.
  - Đã quan tâm chỉ đạo trong công tác lập hồ sơ quản lý chất lượng phục vụ thu vốn tại các công trình đã giảm thiểu tối đa được khối lượng dỏ dăng.
  - Công tác an toàn, bảo hộ lao động được quan tâm duy trì thường xuyên, nên đã giảm thiểu được nguy cơ xảy ra mất an toàn tại các công trường.
  - Thường xuyên duy trì áp dụng, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO.
- 4.2. Tồn tại:**
- Bên cạnh các mặt đã làm được, vẫn còn một số tồn tại dẫn đến chất lượng một số sản phẩm chưa đạt yêu cầu, cần phải có biện pháp điều chỉnh cho phù hợp trong thời gian tới.

## **5. Công tác quản lý vật tư, cơ giới:**

### **5.1. Các mặt đã làm được:**

- Cân đối xe máy cho từng công trường để huy động kịp thời phục vụ thi công.
- Đã thanh lý loại bỏ một số xe máy thiết bị cũ nát lạc hậu (10 đầu xe máy, 12 thiết bị đo đạc và văn phòng)
- Công tác quản lý bảo dưỡng, sửa chữa đã được quan tâm thực hiện đối với từng thiết bị.

### **5.2. Tồn tại:**

- Công tác báo cáo về sử dụng vật tư chưa kịp thời, việc lập kế hoạch cung ứng vật tư thiếu chính xác nên nhiều khi bị động trong việc cung ứng vật tư.
- Công tác quyết toán vật tư chưa kịp thời nên dễ gây ra lãng phí vật tư.
- Công tác kiểm định xe cơ giới chưa đầy đủ.

## **6. Công tác tiếp thị đấu thầu:**

### **6.1. Các mặt đã làm được.**

- Trong 6 tháng đầu năm 2017 Công ty đã tham gia tiếp thị đấu thầu 6 dự án với tổng giá trị 630 tỷ đồng. Trong đó trúng thầu 01 dự án với giá trị 41 tỷ đồng đạt 7,6% KH năm.
- Đang tiếp tục theo dõi và tiếp xúc với CĐT các dự án đã nộp hồ sơ dự thầu như: Gói thầu kè sông Mekong tại Pakse Lào, Nhà xưởng ATB thủy điện Nậm Theun 1, thủy điện Sông Lò 1...

### **6.2. Tồn tại.**

- Trong thời gian Công ty đã quan tâm tập trung hơn trong công tác tiếp thị đấu thầu nhưng chưa đạt kế hoạch đề ra, một phần do năng lực cạnh tranh của công ty thấp, các chỉ tiêu tài chính đều không đạt yêu cầu trong hồ sơ mời thầu của các chủ đầu tư. Có nhiều dự án công ty bỏ giá thầu xếp hạng đứng thứ nhất nhưng vẫn không trúng thầu một phần do nguyên nhân từ tài chính hoặc năng lực thực tế để thực hiện gói thầu không được Chủ đầu tư đánh giá cao (như dự án thủy điện Nậm Phàng B, thủy điện Mông Ân...)
- Về công tác nhân sự: Công ty đang thực hiện đấu thầu theo quy chế Đấu thầu được HĐQT phê duyệt ngày 21/03/2016. Tuy nhiên năng lực nhân sự công tác đấu thầu và các phòng ban khác liên quan để thực hiện công tác đấu thầu theo quy chế phối hợp đang còn mỏng, chưa đáp ứng được các yêu cầu về đấu thầu quốc tế hoặc các gói thầu có quy mô lớn.

## **PHẦN THỨ HAI KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2018**

### **I. Những thuận lợi và khó khăn:**

#### **1. Thuận lợi:**

- Đơn vị đã có được sự ổn định về tổ chức, nguồn nhân lực và máy móc thiết bị được triển khai đầu tư cơ bản đã đáp ứng được kế hoạch SXKD.

- Công tác tổ chức sản xuất kinh doanh đã được sắp xếp và đi vào ổn định, phù hợp với định hướng phát triển theo kế hoạch của Công ty.

## 2. Khó khăn :

- Giá trị công nợ, dở dang tại các công trình lớn ảnh hưởng đến dòng tiền về để phục vụ thực hiện kế hoạch SXKD, đầu tư.
- Một số dự án Đơn vị đầu tư đang tiến hành thoái vốn (Tòa nhà đa chức năng D25 - Công ty Ptecorp, An Nhân), việc tìm kiếm công việc để đảm bảo duy trì kế hoạch sản lượng và lợi nhuận là thách thức với đơn vị.

## II. Các chỉ tiêu và khối lượng chủ yếu:

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch SXKD năm 2018		Ghi chú
			Tổng số	Công ty mẹ	
<b>A</b>	<b>KẾ HOẠCH SXKD</b>				
<b>I</b>	<b>Tổng giá trị SXKD</b>	10 <sup>6</sup> đ	<b>243.600</b>	<b>82.600</b>	
1	Xây lắp	10 <sup>6</sup> đ	63.600	63.600	
2	Phục vụ xây lắp	10 <sup>6</sup> đ	19.000	19.000	
3	Sản xuất công nghiệp	10 <sup>6</sup> đ	161.000		
<b>II</b>	<b>Kế hoạch tài chính</b>				
1	Doanh thu	10 <sup>6</sup> đ	364.553	218.189	
2	Tổng chi phí	10 <sup>6</sup> đ	362.116	238.489	
3	Nộp ngân sách nhà nước	10 <sup>6</sup> đ	22.500	5.971	
4	Lợi nhuận trước thuế	10 <sup>6</sup> đ	2.437	-20.300	
5	Lợi nhuận sau thuế	10 <sup>6</sup> đ	2.437	-20.300	
6	Hiệu quả sử dụng vốn	10 <sup>6</sup> đ			
-	Lợi nhuận cận biên	%	0,67	-13,9	
-	Lợi nhuận sau thuế/VĐL ( Cty mẹ )	%	1,5	-12,69	
-	Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH	%	1,39	-21,0	
-	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	0,14	-2,08	
7	TSCĐ và khấu hao TSCĐ				
-	Số tiền khấu hao TSCĐ	10 <sup>6</sup> đ	41.704	10.519	
-	Tỷ lệ khấu hao TSCĐ	%	4,35	10,30	
8	Nợ phải trả	10 <sup>6</sup> đ	1.315.863	857.571	
9	Vay và trả nợ trung dài hạn				
-	Tổng mức vay trung dài hạn	10 <sup>6</sup> đ			
-	Trả nợ vay trung dài hạn trong kỳ	10 <sup>6</sup> đ	20.000		
	Nợ vay trung dài hạn trong kỳ	10 <sup>6</sup> đ	405.579	15.578	
10	Nợ vay ngân hàng	10 <sup>6</sup> đ	935.431	515.342	
	Nợ vay ngắn hạn	10 <sup>6</sup> đ	529.853	499.652	
	Nợ vay trung dài hạn	10 <sup>6</sup> đ	405.579	15.578	
11	Vốn chủ sở hữu	10 <sup>6</sup> đ	175.494	96.639	
12	Vốn điều lệ	10 <sup>6</sup> đ	159.994	159.994	

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch SXKD năm 2018		Ghi chú
			Tổng số	Công ty mẹ	
13	Tổng tài sản	10 <sup>6</sup> đ	1.656.542	942.330	
14	Hệ số nợ phải trả/VCSH	Lần	7,52	8,87	
15	Hệ số vay ngân hàng/VCSH	Lần	5,35	5,33	
16	Tỷ lệ cổ tức ( dự kiến)	%			
<b>B</b>	<b>Kế hoạch đầu tư</b>	<b>10<sup>6</sup> đ</b>	<b>40.500</b>		
<i>1</i>	<i>Công ty con</i>				
-	Công ty CPTĐ Sông Đà 3 Đăk Lô	10 <sup>6</sup> đ	40.500		
<b>C</b>	<b>Kế hoạch sửa chữa lớn XMTB</b>	<b>10<sup>6</sup> đ</b>	<b>4.105</b>	<b>4.105</b>	

### III. Mục tiêu tiến độ các công trình trọng điểm năm 2018:

Năm 2018 đơn vị tiếp tục thi công khối lượng còn lại của các công trình thủy điện Đăk Lô, công trình thủy điện Xêkaman 1 và Nam Theun 1. Toàn bộ các công trình trên đơn vị đã ký hợp đồng thi công xây dựng và đang triển khai thực hiện.

Các công trình đơn vị dự kiến sẽ ký hợp đồng thi công trong năm 2018 gồm: Công trình thủy điện Nậm Chiến, Sông Lò 1.

#### 1. Công trình thủy điện Đăk Lô: Kế hoạch sản lượng 19,6 tỷ đồng.

Hợp đồng tổng thầu thi công xây dựng số 01/2012/SD3DL-SD3 02/01/2012 với Công ty cổ phần thủy điện Sông Đà 3 - Đăk Lô, giá trị hợp đồng 543.945.834.990 đồng.

Mục tiêu cụ thể trong năm 2018:

- Thi công xử lý mái khu vực mố M1-M2: Hoàn thành 31/12/2018.

#### 2. Công trình Xêkaman 1: Kế hoạch sản lượng là 23 tỷ đồng.

Mục tiêu cụ thể trong năm 2018:

- Thi công hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng khu tái định cư Houydoum: Hoàn thành 31/12/2018.
- Sản xuất đá dăm, vữa bê tông phục vụ các đơn vị trên công trường.

#### 3. Công trình Nam Thuen 1: Kế hoạch sản lượng là 20 tỷ đồng.

Mục tiêu cụ thể trong năm 2018:

- Sản xuất đá dăm phục vụ thi công: Kết thúc 31/12/2018.

#### 4. Công trình thủy điện Nậm Chiến: Kế hoạch sản lượng là 17 tỷ đồng.

Mục tiêu cụ thể trong năm 2018:

- Thi công bê tông tường chắn kênh xả nhà máy, đào phá đá mở rộng lòng suối

### IV. Một số nhiệm vụ, biện pháp chính để hoàn thành kế hoạch năm 2018.

#### 1. Các biện pháp cấp thiết hoàn thành kế hoạch năm đặt ra:

- Sắp xếp ổn định bộ máy quản lý từ Công ty đến các Chi nhánh và Tổng đội trực thuộc đảm bảo gọn nhẹ và chất lượng.



- Tập trung thu hồi vốn và công nợ tại công trình Đồng Nai 5, Đăk Lô, Đăk Lô 2, Tiên Thành, Xêkaman1, rà soát các loại hợp đồng, đối chiếu lại công nợ với khách hàng. Quyết liệt trong công tác làm hồ sơ nghiệm thu khối lượng dở dang, quyết toán khối lượng tại các công trình công ty đã tham gia thi công. Để đảm bảo có nguồn vốn cho công tác thi công tại các công trường.
  - Tìm kiếm nguồn vốn bổ sung cho dự án Đăk Lô.
- 2. Công tác quản lý tổ chức điều hành sản xuất kinh doanh:**
- Tiếp tục tổ chức kịp thời các lớp đào tạo nghề, đào tạo nâng cao cho đội ngũ thợ vận hành, công nhân kỹ thuật tại các công trường.
  - Chinh đốn công tác phục vụ, phục vụ sản xuất và chuẩn bị sản xuất để đáp ứng với nhiệm vụ được giao. Cố gắng bố trí sắp xếp lại lực lượng gián tiếp đơn giản, gọn nhẹ tối đa, để đáp ứng vừa đủ với đòi hỏi công việc, đảm bảo tính hiệu quả cao trong công tác.
  - Bóc tách chi phí từng hạng mục công trình. Hàng tháng so sánh giữa giá dự toán và chi phí thực tế báo cáo lãnh đạo để có biện pháp kịp thời trong công tác chỉ đạo sản xuất.
- 3. Công tác kỹ thuật, công nghệ, chất lượng và ATLĐ:**
- Lập đầy đủ biện pháp tổ chức thi công thỏa thuận với các bên liên quan trước khi thi công đối với từng giai đoạn, hạng mục công trình từ đó bố trí đủ nhân lực, máy móc thiết bị, vật tư, vật liệu đảm bảo cho thi công.
  - Lập tiến độ thi công chi tiết cho từng giai đoạn, hạng mục công trình trên cơ sở tiến độ chung của công trình và tổ chức kiểm tra giám sát chặt chẽ việc thực hiện theo tiến độ.
  - Thực hiện nghiêm túc công tác an toàn, bảo hộ lao động trong sản xuất, duy trì thường xuyên mạng lưới an toàn viên tại các công trường.
  - Thường xuyên duy trì áp dụng và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015.
  - Áp dụng hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2015
- 4. Công tác tài chính - tín dụng:**
- Tiếp tục thoái vốn các khoản đầu tư đã được Tổng công ty Sông Đà thông qua, đặc biệt là các khoản đầu tư có khả năng thu hồi như: khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Sông Đà An Nhân; Công ty cổ phần ĐT& PT Vân phong; CTCP Đầu tư TM PTcor.
  - Rà soát, xử lý bán thu hồi vốn các vật tư không cần dùng, thanh lý xe máy thiết bị hoạt động không hiệu quả hoặc sửa chữa tái đầu tư.
  - Hàng tháng cân đối thu chi, quản lý dòng tiền để có kế hoạch của tháng tiếp theo và lập kế hoạch thu hồi vốn để tái sản xuất.
  - Thực hiện tiết kiệm các khoản chi phí, cắt giảm các loại chi phí chưa thực sự cần thiết. Sắp xếp lại bộ máy quản lý, tinh giảm biên chế, phân công việc gắn với quyền lợi và trách nhiệm.

- Tích cực tìm kiếm và đàm phán những nguồn vốn vay từ các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước với mức lãi suất hấp dẫn để phục vụ SXKD.

**5. Công tác quản lý cơ giới:**

- Quyết toán và kiểm kê khối lượng thực hiện thường xuyên để có biện pháp điều chỉnh kịp thời, tránh lãng phí không cần thiết.
- Bố trí xe máy thiết bị thi công phù hợp với nhiệm vụ làm việc thực tế và công suất của từng thiết bị.
- Tăng cường kiểm tra, thực hiện quy định quản lý, sử dụng xe máy thiết bị.
- Công tác bảo dưỡng sửa chữa xe máy thiết bị kịp thời đảm bảo chất lượng đúng quy trình. Tránh việc thi công chờ máy, công suất dư thừa.

**6. Công tác quản trị rủi ro:**

Tiếp tục xây dựng sổ tay quản lý rủi ro đối với lĩnh vực chính là: quản lý rủi ro về tài chính và quản lý rủi ro dự án của Sông Đà 3 bao gồm:

- Khung quản lý rủi ro để đạt được 3 mục tiêu: nhận thức rủi ro, trách nhiệm đối với rủi ro, Quản lý rủi ro năng động để “không bất ngờ” trong việc quản lý các rủi ro.
- Thiết lập chế độ báo cáo về quản lý rủi ro.
- Xây dựng danh mục rủi ro và phương án phòng ngừa và xử lý.
- Xây dựng và thực hiện lộ trình quản lý rủi ro:
- Chiến lược rủi ro: sổ tay, chính sách và thủ tục quản trị rủi ro, xây dựng mức độ rủi ro có thể chấp nhận, Đào tạo và truyền thông về quản lý rủi ro;
- Cơ cấu tổ chức và cơ chế báo cáo rủi ro;
- Lập hồ sơ về quản lý rủi ro: phương pháp tiếp cận, ghi nhận rủi ro, các hành động giảm thiểu rủi ro, đánh giá, kiểm soát rủi ro.

**7. Công tác khác:**

- Nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho CBCNV, xây dựng thành một đơn vị tập thể đoàn kết gắn bó mà ở đó mọi người luôn hướng về một mục đích. Xây dựng công ty cổ phần Sông Đà 3 thành một đơn vị mạnh về mọi mặt.
- Tiếp tục phát động các phong trào thi đua, các chiến dịch tại các công trường mà đơn vị thi công.

Trên đây là báo cáo của Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 3 về tình hình thực hiện kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2017, dự kiến kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2018.

Trân trọng!

Nơi nhận: *1*

- Như trên;
- Ban TGD;
- Lưu TCHC; KTĐT



*Vũ Dũng*

**BÁO CÁO**  
**THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD & ĐẦU TƯ NĂM 2017**  
**KẾ HOẠCH SXKD & ĐẦU TƯ NĂM 2018 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3**  
Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Năm 2017						Kế hoạch SXKD năm 2018			
			Kế hoạch			Thực hiện			Tỷ lệ % HTK H	Tổng số	Công ty mẹ	Công ty con, công ty liên kết
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó					
				Công ty mẹ	Công ty con, công ty liên kết		Công ty mẹ	Công ty con, công ty liên kết				
<b>A</b>	<b>KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH</b>											
<b>I</b>	<b>TỔNG GIÁ TRỊ SXKD</b>	<b>10<sup>6</sup>đ</b>	<b>406,000</b>	<b>294,000</b>	<b>112,000</b>	<b>298,000</b>	<b>126,000</b>	<b>172,000</b>	<b>73%</b>	<b>243,600</b>	<b>82,600</b>	<b>161,000</b>
1	Giá trị xây lắp	10 <sup>6</sup> đ	292,000	292,000		107,000	107,000			63,600	63,600	
2	Giá trị phục vụ xây lắp	10 <sup>6</sup> đ	2,000	2,000		19,000	19,000			19,000	19,000	
3	Giá trị sản xuất công nghiệp	10 <sup>6</sup> đ	112,000		112,000	172,000		172,000	154%	161,000		161,000
*	Danh mục các công trình											
-	CTTD Đắk Lô	10 <sup>6</sup> đ	25,000	25,000		10,000	10,000		40%	19,600	19,600	
-	CTTD Minh Tân	10 <sup>6</sup> đ				2,000	2,000			1,000	1,000	
-	CTTD Đắk Lô 1,2,3	10 <sup>6</sup> đ	58,000	58,000		24,000	24,000		41%			
-	CTTD Đồng Nai 5	10 <sup>6</sup> đ	5,000	5,000		1,000	1,000		20%			
-	CTTD Tiên Thành	10 <sup>6</sup> đ	48,000	48,000		19,000	19,000		40%			
-	CTTD Xekaman 1	10 <sup>6</sup> đ	45,000	45,000		51,000	51,000		113%	23,000	23,000	
-	CTTD Xepian-Xenamnoy	10 <sup>6</sup> đ	13,000	13,000		12,000	12,000		92%			
-	CTTD Nam Thuen 1	10 <sup>6</sup> đ	50,000	50,000		7,000	7,000		14%	20,000	20,000	
-	CTTD Pake	10 <sup>6</sup> đ								2,000	2,000	
-	CTTD Nậm Chiến	10 <sup>6</sup> đ								17,000	17,000	
-	CTTD Sông Lò 1	10 <sup>6</sup> đ								-	-	
-	Dự án Khu biệt thự Phụng Hoàng	10 <sup>6</sup> đ								-	-	
-	CTTD Đắk Lô mở rộng	10 <sup>6</sup> đ								-	-	
-	CTTD Ngọc Tem	10 <sup>6</sup> đ	20,000	20,000						-	-	
-	CTTD Đắk Ro Bayer	10 <sup>6</sup> đ	10,000	10,000						-	-	